

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘ ĐỨC
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 19-9-2019

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘ ĐỨC, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đàm Quang Hiệp.

Các Hội thẩm nhân:

1. Ông Phạm Thanh Huân.

2. Bà Nguyễn Thị An.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Nguyễn Trọng Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2019, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Mộ Đức, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 78/2019/TLST- HNGĐ, ngày 24 tháng 4 năm 2019, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2019/QĐXXST- HNGĐ, ngày 07 tháng 8 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2019/QĐST- HNGĐ, ngày 26 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị Hà Thanh D.

Nơi đăng ký HKTT: Thôn 4, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

Chỗ ở hiện nay: Thôn 6, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Thành H.

Địa chỉ: Thôn 4, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

Chị D có mặt, anh H vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 21/3/2019, đơn khởi kiện bổ sung ngày 19/4/2019, các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Huỳnh Thị Hà Thanh D trình bày: Chị và anh Nguyễn Thành H tìm hiểu yêu thương nhau trong thời gian khoảng 12 tháng, được gia đình hai bên tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán vào tháng 4 năm 2011 (âm lịch) và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 19 tháng 3 năm 2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 6 năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là

do anh H suốt ngày lông bông ăn chơi, thường xuyên rượu chè, sống thiếu trách nhiệm với vợ con, xem thường mọi người trong gia đình. Chính vì vậy, vào tháng 02 năm 2018 vợ chồng chị ly thân nhau mãi đến nay. Trong thời gian ly thân, chị nhắc nhở và cho anh H cơ hội nhiều lần nhưng anh H vẫn không thay đổi.

Nay xét thấy tình cảm giữa chị và anh H không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy chị yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Thành H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con tên Nguyễn Huỳnh Hoàng T, sinh ngày 06/02/2012 và Nguyễn Quốc T, sinh ngày 26/11/2017, hiện đang ở với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu anh H cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 26/4/2019 anh Nguyễn Thành H trình bày: Anh và chị Huỳnh Thị Hà Thanh D kết hôn vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ vợ chồng chung sống không có mâu thuẫn gì. Tuy nhiên, vào khoảng năm 2018 anh có bài bạc, thiếu trách nhiệm với vợ con chứ vợ chồng không có xô xát gì, vì vậy chị D yêu cầu ly hôn anh không đồng ý, vì mâu thuẫn không đáng kể.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con tên Nguyễn Huỳnh Hoàng T, sinh ngày 06/02/2012 và Nguyễn Quốc T, sinh ngày 26/11/2017.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đúng quy định của pháp luật; Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật HNGĐ 2014 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Huỳnh Thị Hà Thanh D và anh Nguyễn Thành H được ly hôn; Giao cháu Nguyễn Huỳnh Hoàng T và Nguyễn Quốc T cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng. Anh H chưa phải cấp dưỡng nuôi con. Các đương sự chịu án phí theo quy định của Pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Thành H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn chị Huỳnh Thị Hà Thanh D và bị đơn anh Nguyễn Thành H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 19/3/2012. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, nguyên đơn và bị đơn phát sinh mâu thuẫn nên vợ chồng đã ly thân nhau từ tháng 02 năm 2018 mãi đến nay, phần ai nấy sống, không còn quan tâm lẫn nhau. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị D và anh H đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Việc chị D xin ly hôn anh H là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị D.

[2.2] Về nuôi con chung: Chị D và anh H có 02 con chung tên Nguyễn Huỳnh Hoàng T, sinh ngày 06/02/2012 và Nguyễn Quốc T, sinh ngày 26/11/2017, hiện đang ở với chị D. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu anh H cấp dưỡng cho con. Xét thấy hiện nay 02 cháu đang sống chung với chị D, anh H thì không chăm sóc vợ cũng không trực tiếp nuôi con. Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng anh H không đến Tòa án làm việc, chứng tỏ anh H đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình cũng như trách nhiệm đối với con chung. Mặt khác, nguyện vọng của cháu T được ở với chị D. Do đó, để đảm bảo ổn định về cuộc sống và các điều kiện phát triển về mọi mặt của con chưa thành niên. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao 02 con cho nguyên đơn chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng là hoàn toàn hợp lý.

[2.3] Về cấp dưỡng cho con: Trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị D không yêu cầu anh H cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung: Chị D không yêu cầu nên không xem xét.

[2.5] Về nợ chung: Chị D khai không có, nên không xem xét.

[2.6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định của Pháp luật.

[2.7] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81 và Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35,

khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Hà Thanh D được ly hôn anh Nguyễn Thành H.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Huỳnh Hoàng T, sinh ngày 06/02/2012 và Nguyễn Quốc T, sinh ngày 26/11/2017 cho chị Huỳnh Thị Hà Thanh D tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh H chưa phải cấp dưỡng cho con.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Huỳnh Thị Hà Thanh D phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0003892, ngày 19 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

4. Chị Huỳnh Thị Hà Thanh D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (19/9/2019). Đối với anh Nguyễn Thành H không có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Các đương sự;
- Chi Cục THADS huyện Mộ Đức;
- UBND xã Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đàm Quang Hiệp